

BẢN TIN PHÁP LUẬT SỐ 04

(Một số văn bản pháp luật có hiệu lực trong tháng 04/2020)

MỤC LỤC

I. LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN.....	2
1. Nghị định 25/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (<i>Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 20/04/2020</i>).....	2
2. Nghị định 18/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ. (<i>Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 01/04/2020</i>).....	5
II. LĨNH VỰC DOANH NGHIỆP	6
1. Nghị định 20/2020/NĐ-CP về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước (<i>Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 01/04/2020</i>).....	6
2. Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành (<i>Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 01/04/2020</i>).....	7
III. LĨNH VỰC TIỀN TỆ - NGÂN HÀNG.....	8
1. Thông tư 28/2019/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 19/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động thẻ ngân hàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành (<i>Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 01/04/2020</i>).....	8
IV. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI	9
1. Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (<i>Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 01/04/2020</i>).....	9
2. Thông tư 02/2020/TT-BNNPTNT quy định về tiêu chí kinh tế trang trại do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành (<i>Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 14/04/2020</i>).....	11
THƯ NGỎ.....	13

I. LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN

1. Nghị định 25/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 20/04/2020).

Nội dung chính cần lưu ý:

- ✚ Trước đây, phạm vi điều chỉnh của Nghị định 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 chỉ áp dụng với các dự án đầu tư sử dụng các khu đất, quỹ đất có giá trị thương mại cao, cần lựa chọn nhà đầu tư thuộc **danh mục dự án** (danh mục dự án sử dụng khu đất, quỹ đất có giá trị thương mại cao cần lựa chọn nhà đầu tư được Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt) để xây dựng công trình thuộc đô thị, khu đô thị mới; nhà ở thương mại; công trình thương mại và dịch vụ; tổ hợp đa năng **mà không thuộc các trường hợp dự án đầu tư PPP**. Theo đó, nếu dự án có sử dụng các khu đất trên nhưng không nằm trong Danh mục dự án của Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt thì không áp dụng thủ tục đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư theo quy định Nghị định 30/2015/NĐ-CP. Phạm vi điều chỉnh của Nghị định 25/2020/NĐ-CP trong việc lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất thông qua hình thức đấu thầu với đối tượng rộng hơn đó là các nhóm dự án: (i) Dự án đầu tư có sử dụng đất để xây dựng nhà ở thương mại; công trình thương mại, dịch vụ; công trình đa năng, tổ hợp đa năng cho mục đích kinh doanh; (ii) Dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa.
 - ✚ Bên cạnh đó, Nghị định 25/2020/NĐ-CP cho phép nhà đầu tư được đề xuất thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất **ngoài danh mục dự án đầu tư** có sử dụng đất được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. Dự án do nhà đầu tư đề xuất phải thuộc phạm vi điều chỉnh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định này và đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định này. Nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất dự án, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp (điểm b khoản 2 điều 12 Nghị định 25/2020/NĐ-CP).
- Như vậy, Nghị định 25/2020/NĐ-CP có đối tượng được áp dụng rộng hơn, nhiều khu đất trước đây không được áp dụng quy định về đấu thầu về thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thì nay được áp dụng cơ chế về đấu thầu.
- ✚ Việc xét duyệt trúng thầu tập trung đánh giá vào mức đề xuất giá trị về bồi thường hỗ trợ tái định cư của nhà đầu tư, giá trị nộp ngân sách nhà nước bằng tiền ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư (Điều 42 và Điều 56 Nghị định 25/2020/NĐ-CP) sẽ tạo thêm sức hút, việc cạnh tranh giữa các nhà đầu tư.
 - ✚ Nghị định 25/2020/NĐ-CP xác định trình tự, thủ tục cũng như trách nhiệm của nhà đầu tư trúng đấu thầu, bên mời thầu và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc giải phóng mặt bằng và giao đất/cho thuê đất đối với nhà đầu tư trúng đấu thầu, gỡ bỏ vướng mắc về thủ tục. Theo đó, nhà đầu tư trúng thầu sẽ đàm phán, hoàn thiện hợp đồng và ký kết. Sau khi ký kết hợp đồng, nhà đầu tư phối hợp với cơ quan

chuyên ngành trình cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Nhà đầu tư nộp giá trị bồi thường, hỗ trợ theo tiến độ quy định trong hợp đồng. Sau khi giải phóng mặt bằng sẽ giao khu đất cho nhà đầu tư theo quy định pháp luật về đất đai.

- ✚ Việc giao đất cho cho nhà đầu tư trúng đấu thầu được thực hiện theo trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất quy định tại Khoản 3 Điều 68 Nghị định 43/2014/NĐ-CP (điều 60 Nghị định 25/2020/NĐ-CP).

Một số vấn đề khác cần lưu ý:

- Vấn đề cạnh tranh trong đấu thầu: Tỷ lệ sở hữu vốn của nhau giữa nhà đầu tư và bên mời thầu/bên tư vấn đã được điều chỉnh tăng hơn so với nghị định 30/2015, đảm bảo việc tham gia vào dự án của các thành viên trong tập đoàn kinh tế cũng như các công ty có sở hữu chéo. Theo đó, nhà đầu tư được đánh giá là độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính khi tham dự thầu: (i) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bên mời thầu **không có tỷ lệ sở hữu vốn trên 49% cổ phần**, vốn góp của nhà đầu tư. (ii) Nhà đầu tư tham dự thầu và nhà thầu tư vấn (...) **không cùng có tỷ lệ sở hữu từ 30% vốn cổ phần, vốn góp** trở lên của một tổ chức, cá nhân khác đối với từng bên.

- Ưu đãi trong đấu thầu: Bổ sung thêm điều kiện ưu đãi trong đánh giá hồ sơ dự thầu về thời gian thực hiện hợp đồng và ưu đãi trong áp dụng hợp đồng BT. Theo đó (i) Trường hợp áp dụng phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước, nhà đầu tư thuộc đối tượng ưu đãi được cộng thêm một khoản tiền bằng 5% phần đề xuất nộp ngân sách nhà nước hoặc trừ đi một khoảng thời gian bằng 5% vào khoảng thời gian thực hiện hợp đồng mà nhà đầu tư đó đề xuất để so sánh, xếp hạng. (ii) Trường hợp dự án áp dụng loại hợp đồng BT, nhà đầu tư thuộc đối tượng ưu đãi được trừ đi một khoản giá trị bằng 5% giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) vào giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) mà nhà đầu tư đó đề xuất để so sánh, xếp hạng.

- Hình thức lựa chọn nhà đầu tư dự án PPP: Việc lựa chọn nhà đầu tư phải áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi quốc tế, trừ các dự án hạn chế nhà đầu tư nước ngoài; dự án nhóm B và C theo luật đầu tư công (không bao gồm dự án có sử dụng đất được điều chỉnh riêng); dự án liên quan đến quốc phòng, an ninh do Thủ tướng CP quyết định.

- Hình thức lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư có sử dụng đất: Áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi quốc tế đối với dự án **đáp ứng đầy đủ các điều kiện**: (i) Có sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) từ 800.000.000.000 (tám trăm tỷ) đồng trở lên; (ii) Có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định, trong đó có ít nhất một nhà đầu tư nước ngoài; (iii) Không thuộc trường hợp bị hạn chế nhà đầu tư nước ngoài tham gia thực hiện và hạn chế do vấn đề an ninh quốc phòng.

Như vậy so với nghị định 30/2015/NĐ-CP thì nghị định 25/2020/NĐ-CP đã ưu tiên cho việc áp dụng đấu thầu trong nước đối với dự án đầu tư có sử dụng đất và chỉ áp dụng đấu thầu quốc tế khi có đủ cả 3 điều kiện nêu trên (Nghị định 30/2015/NĐ-CP dự án đầu tư có sử dụng đất mà sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án trên 120 tỷ phải đấu thầu quốc tế (trừ dự án hạn chế nhà đầu tư nước ngoài).

- Điều kiện xác định dự án đầu tư có sử dụng đất: (i) **Thuộc danh mục dự án cần thu hồi đất được duyệt** theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc thuộc khu đất do Nhà nước đang quản lý, sử dụng; chương trình phát triển đô thị (nếu có) theo quy định của pháp luật về phát triển đô thị. (ii) **Phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực**; quy hoạch xây dựng có tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/500 (nếu có) hoặc quy hoạch phân khu đô thị có tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/5.000 theo quy định của pháp luật. (iii) **Không đủ điều kiện để tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.**

- Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất: Dự án thuộc phạm vi điều chỉnh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định này và đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 11 Nghị định này (trừ dự án thuộc trường hợp quy định tại Điều 26 Luật Đấu thầu hoặc khoản 3 Điều 10 Nghị định này) được tổng hợp vào danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất.

- Về nội dung công bố thông tin: Nghị định quy định một số nội dung mới so với Nghị định 30/2015/NĐ-CP, như: tóm tắt các yêu cầu cơ bản của dự án; thời hạn, tiến độ đầu tư; yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; thời hạn để nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa quy định lộ trình áp dụng và hướng dẫn chi tiết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 91 Nghị định này, nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tới Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Nguyên tắc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng: (i) Không tiến hành đàm phán, hoàn thiện hợp đồng đối với các nội dung mà nhà đầu tư đã chào thầu theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu; (i) Việc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng không được làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu (khoản 3 Điều 44 và khoản 3 Điều 58 Nghị định 25/2020/NĐ-CP).

- Về xử lý tình huống trong lựa chọn nhà đầu tư: Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất, nhà đầu tư đề xuất trong hồ sơ dự thầu giá trị nộp ngân sách nhà nước bằng tiền ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành (M3) cao nhất nhưng đề xuất tổng chi phí thực hiện dự án (M1) thấp hơn m1, bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư làm rõ các yếu tố cấu thành chi phí thực hiện dự án, xem xét các bằng chứng liên quan theo hướng sau đây:

a) Các yếu tố kinh tế liên quan đến sử dụng công nghệ mới, hiện đại trong biện pháp thi công, quy trình sản xuất hoặc cung cấp dịch vụ dẫn đến lợi thế về chi phí cho nhà đầu tư;

b) Giải pháp kinh tế được áp dụng hoặc các lợi thế đặc biệt của nhà đầu tư dẫn đến khả năng tiết kiệm chi phí cho nhà đầu tư.

Trường hợp thỏa mãn được các điều kiện trên thì hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư sẽ không bị loại. Nhà đầu tư nhận được sự trợ cấp của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào dẫn đến sự cạnh tranh không bình đẳng thì hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư sẽ bị loại (khoản 12 Điều 80 Nghị định 25/2020/NĐ-CP).

✚ Chi tiết văn bản xem tại link dưới:

<http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=141049>

2. Nghị định 18/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ. (Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 01/04/2020)

Nội dung chính cần lưu ý:

- ✚ Phạm vi điều chỉnh: (i) Nghị định quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả; thẩm quyền xử phạt, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ. (ii) Các hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ không được quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước khác có liên quan để xử phạt.
- ✚ Đối tượng áp dụng (i). Nghị định áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; người có thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ theo quy định tại Nghị định này. (ii) Các tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính tại Nghị định bao gồm: (a) Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam; (b) Đơn vị sự nghiệp công lập; (c) Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; (d) Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã; (đ) Nhà thầu nước ngoài là tổ chức theo quy định của pháp luật về đấu thầu; (e) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao; (g) Tổ chức nghề nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ.
- ✚ Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây: Cảnh cáo; Phạt tiền. Mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ là 50 triệu đồng đối với cá nhân và 100 triệu đồng đối với tổ chức.
- ✚ Phạt tiền từ 20 - 30 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau: Hoạt động đo đạc và bản đồ không đúng với nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; tẩy xóa, sửa

chữa làm sai lệch nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; hoạt động đo đạc và bản đồ khi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ hết thời hạn.

- ✚ Mức phạt từ 40 - 50 triệu đồng áp dụng đối với hành vi hoạt động đo đạc và bản đồ không có giấy phép hoặc hoạt động đo đạc và bản đồ trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.
- ✚ Mức phạt tiền đối với cá nhân là 30 - 40 triệu đồng, đối với tổ chức là 60 - 80 triệu đồng nếu có một trong các hành vi vi phạm sau:
 - Giả mạo, làm sai lệch dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ trong thực hiện đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ đo đạc và bản đồ;
 - Thể hiện không chính xác đường biên giới quốc gia, chủ quyền lãnh thổ trên thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ trong thực hiện đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ đo đạc và bản đồ;
 - Không sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ cơ bản trong lập, thực hiện đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ đo đạc và bản đồ chuyên ngành;
 - Không sử dụng dữ liệu không gian địa lý quốc gia trong thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch, xây dựng kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các hoạt động khác phục vụ quản lý của Nhà nước.

- ✚ Chi tiết văn bản tại link dưới:

<http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=140839>

II. LĨNH VỰC DOANH NGHIỆP

1. Nghị định 20/2020/NĐ-CP về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước (Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 01/04/2020).

Nội dung chính cần lưu ý:

- ✚ Phạm vi điều chỉnh: Nghị định quy định việc thực hiện thí điểm về quản lý lao động, xây dựng thang lương, bảng lương; tiền lương, tiền thưởng của người lao động và Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Thành viên Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên năm 2020 tại tập đoàn, tổng công ty sau:
 1. Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.
 2. Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP.
 3. Công ty mẹ - Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam.Các công ty mẹ nêu trên sau đây gọi chung là công ty.

- ✚ Đối tượng áp dụng: (1) Người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động. (2) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. (3) Thành viên Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên. (4) Người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty, người đại diện chủ sở hữu trực tiếp và cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. (5) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các quy định tại Nghị định này.
- ✚ Nghị định quy định về nguyên tắc lập Quỹ tiền thưởng, phúc lợi của người lao động và Ban điều hành trong các doanh nghiệp này như sau: - Nếu lợi nhuận thực hiện không thấp hơn kế hoạch, người lao động và Ban điều hành được thưởng không quá 03 tháng tiền lương thực hiện;- Nếu lợi nhuận thực hiện thấp hơn kế hoạch, mức thưởng là không quá 03 tháng lương thực hiện nhân với tỷ lệ % lợi nhuận thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch. Trong đó, tiền thưởng trả cho tổng giám đốc không quá 7 lần so với tiền thưởng bình quân của người lao động.
- ✚ Các quy định về tiền lương, thưởng, thù lao trên sẽ được thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2020.

✚ Chi tiết văn bản tại link dưới:

<http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=140942>

2. Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành (Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 01/04/2020).

Nội dung chính cần lưu ý:

- ✚ Phạm vi điều chỉnh: Thông tư hướng dẫn về phân loại và đánh giá hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã) hoạt động trong tất cả các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế.
- ✚ Đối tượng áp dụng: (i) Các hợp tác xã tổ chức và hoạt động theo Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20/11/2012. (ii) Các tổ chức và cá nhân có liên quan đến thành lập, tổ chức, hoạt động, chấm dứt hoạt động của hợp tác xã. (iii) Riêng đối với Quỹ tín dụng nhân dân và Ngân hàng hợp tác xã, việc đánh giá thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- ✚ Thông tư 01 đưa ra 04 lĩnh vực để phân loại HTX như: theo sản phẩm, dịch vụ cung ứng cho thành viên; quy mô thành viên; quy mô tổng nguồn vốn; và theo ngành nghề.
- ✚ Căn cứ vào số lượng thành viên, HTX được phân thành: HTX quy mô thành viên siêu nhỏ nếu có dưới 50 thành viên; HTX quy mô thành viên nhỏ nếu có từ 50 đến 300 thành viên; HTX quy mô thành viên vừa nếu có từ trên 300 đến 1.000 thành viên. Trường hợp có từ trên 1.000 thành viên được phân thành HTX quy mô lớn.
- ✚ Căn cứ vào nguồn vốn, HTX được phân thành: HTX quy mô vốn siêu nhỏ nếu có tổng nguồn vốn dưới 1 tỷ đồng; quy mô vốn nhỏ nếu tổng nguồn vốn từ 1 tỷ đến dưới 5 tỷ

đồng; quy mô vốn vừa nếu có tổng nguồn vốn từ 5 tỷ đến dưới 50 tỷ đồng; tổng nguồn vốn từ 50 tỷ đồng trở lên được phân thành HTX quy mô vốn lớn.

- ✚ Căn cứ theo ngành, nghề đăng ký kinh doanh, HTX được phân theo các nhóm ngành nghề kinh tế cấp 1 quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.
- ✚ Về đánh giá HTX, Thông tư 01 đánh giá dựa trên 15 tiêu chí, với tổng điểm tối đa là 100 điểm và được chia thành 3 nhóm: nhóm tiêu chí về tài chính, tối đa 30 điểm, gồm 4 tiêu chí; nhóm tiêu chí về quản trị, điều hành và năng lực của HTX, tối đa 30 điểm, gồm 5 tiêu chí; nhóm tiêu chí về thành viên, lợi ích thành viên và cộng đồng, tối đa 40 điểm, gồm 6 tiêu chí.
- ✚ Hàng năm, Hội đồng quản trị HTX tổ chức tự đánh giá và cho điểm HTX mình theo các tiêu chí quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này. Ban Kiểm soát (hoặc kiểm soát viên) kiểm tra kết quả việc tự đánh giá theo mẫu hướng dẫn.
- ✚ Chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, HTX nộp bảng tự chấm điểm đến cơ quan đăng ký HTX. Sau đó, chậm nhất vào ngày 18 tháng 12 hàng năm, cơ quan đăng ký HTX cấp huyện tổng hợp, báo cáo kết quả phân loại, đánh giá HTX của năm trên địa bàn huyện gửi cơ quan đăng ký HTX cấp tỉnh.
- ✚ Chậm nhất vào ngày 21 tháng 12 hàng năm, cơ quan đăng ký HTX cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo kết quả phân loại, đánh giá HTX của năm trên địa bàn tỉnh gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- ✚ Chi tiết văn bản tại link dưới:

<https://luatvietnam.vn/doanh-nghiep/thong-tu-01-2020-tt-bkhd-t-huong-dan-phan-loai-va-danh-gia-hop-tac-xa-180656-d1.html#chidanthaydoi>

III. LĨNH VỰC TIỀN TỆ - NGÂN HÀNG

1. Thông tư 28/2019/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 19/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động thẻ ngân hàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành (Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 01/04/2020).

Nội dung chính cần lưu ý:

- ✚ Ngân hàng Nhà nước bỏ điều kiện về việc phải có sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật về việc sử dụng thẻ được sử dụng thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng, thẻ trả trước đối với người sử dụng thẻ phụ thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng, thẻ trả trước là người chưa thành niên. Cụ thể, người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi được sử dụng thẻ phụ của các loại thẻ trên nếu không bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.
 - Tổ chức đủ điều kiện mở tài khoản thanh toán: Được sử dụng thẻ ghi nợ (thẻ chính);
 - Tổ chức là pháp nhân: Được sử dụng thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước (thẻ chính);

- Chủ thẻ là tổ chức được ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân sử dụng thẻ của tổ chức đó hoặc cho phép cá nhân sử dụng thẻ phụ theo quy định.

✚ Ngoài việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về đối tượng được sử dụng thẻ, Thông tư còn sửa đổi, bổ sung một số nội dung khác của Thông tư 19/2016/TT-NHNN như nguyên tắc sử dụng thẻ, việc đảm bảo an toàn trong sử dụng thẻ, tra soát, xử lý khiếu nại trong quá trình sử dụng thẻ...

✚ Chi tiết văn bản tại link dưới:

<http://vbpl.vn/nganhangnhanuoc/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=139874>

IV. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI

1. Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 01/04/2020).

Nội dung chính cần lưu ý:

✚ Phạm vi điều chỉnh: Nghị định quy định về kinh doanh, điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và việc cấp, thu hồi Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, phù hiệu, biển hiệu; quy định về công bố bến xe.

✚ Đối tượng áp dụng: Nghị định áp dụng đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh hoặc liên quan đến kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

✚ Nghị định số 10 hoàn thiện quy định để phân định rõ giữa khái niệm Đơn vị kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải bằng xe ô tô là việc thực hiện ít nhất một trong các công đoạn chính của hoạt động vận tải (trực tiếp điều hành phương tiện, lái xe hoặc quyết định giá cước vận tải) để vận chuyển hành khách, hàng hóa trên đường bộ nhằm mục đích sinh lợi) và Đơn vị chỉ cung cấp phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải (không trực tiếp điều hành phương tiện, lái xe; không quyết định giá cước vận tải).

✚ Nghị định số 10 bổ sung hoặc điều chỉnh một số nội dung quy định nhằm xử lý hiệu quả hơn tình trạng “xe dù, bến cóc” và “xe hợp đồng hoạt động trá hình xe tuyến cố định”, cụ thể như sau:

- Theo quy định tại khoản 5 Điều 7 và khoản 5 Điều 8 của Nghị định 10 thì đến ngày 01 tháng 01 năm 2022, đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng thực hiện cung cấp đầy đủ các nội dung tối thiểu của hợp đồng vận chuyển qua phần mềm của Bộ Giao thông vận tải; trên cơ sở các thông tin của hợp đồng vận chuyển, kết hợp với thông tin từ thiết bị GSHT, hệ thống sẽ xác định các trường hợp xe hợp đồng, xe du lịch thực hiện quá 30% tổng số chuyến của xe đó có điểm đầu trùng lặp và điểm cuối trùng lặp, các cơ quan chức năng sẽ có căn cứ để kịp thời xử lý theo các quy định hiện hành.

- Theo quy định tại khoản 4 Điều 6 và điểm b khoản 2 Điều 16 của Nghị định 10 đã có quy định đơn vị kinh doanh vận tải sử dụng hợp đồng điện tử phải gửi hóa đơn điện tử của chuyến đi đến hành khách, người thuê vận tải và gửi thông tin hóa đơn điện tử về cơ quan Thuế để quản lý chặt chẽ, hiệu quả hơn.

- Việc xử lý hoạt động “xe dù, bến cóc”, xe hợp đồng “trá hình” tuyến cố định cần nhiều giải pháp đồng bộ, nhiều quy định đã được bổ sung để quản lý chặt chẽ đối với xe hợp đồng, du lịch tại Điều 7, Điều 8 của Nghị định số 10, trong đó có quy định như: Phải được niêm yết (dán cố định) cụm từ “XE HỢP ĐỒNG” làm bằng vật liệu phản quang trên kính phía trước và kính phía sau xe; với kích thước tối thiểu của cụm từ “XE HỢP ĐỒNG” là 06 x 20 cm; Phải có phù hiệu “XE HỢP ĐỒNG” và được dán cố định phía bên phải mặt trong kính trước của xe,...
- ✚ Nghị định số 10 bổ sung nội dung quy định lắp camera trên xe ô tô kinh doanh vận tải, cụ thể như sau:
 - Theo quy định tại khoản 2 Điều 13 và khoản 2 Điều 14 của Nghị định số 10 thì trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có sức chứa từ 09 chỗ (kể cả người lái xe) trở lên, xe công ten nơ, xe đầu kéo phải lắp camera đảm bảo ghi, lưu trữ hình ảnh trên xe (bao gồm cả lái xe và cửa lên xuống của xe) trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh từ camera sẽ được cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch.
 - Việc lắp đặt camera theo dõi, giám sát, phát hiện, ghi nhận các hành vi vi phạm quy định pháp luật của người lái xe trong quá trình điều khiển phương tiện tham gia giao thông (ví dụ: ngủ gật hoặc mất tập trung khi lái xe, sử dụng điện thoại khi lái xe, chở quá số người quy định, có hành vi cư xử thiếu văn hóa với hành khách, lái xe quá thời gian quy định, các tình huống bất thường khác...) giúp đơn vị kinh doanh vận tải kịp thời nhắc nhở, cảnh báo, ngăn ngừa lái xe vi phạm đồng thời giúp cơ quan chức năng có căn cứ để xử lý các hành vi vi phạm của người lái xe và đơn vị kinh doanh vận tải, qua đó nâng cao chất lượng dịch vụ của hoạt động kinh doanh vận tải hành khách và nâng cao hiệu quả bảo đảm trật tự an toàn giao thông và an ninh trật tự trong lĩnh vực vận tải ô tô.
 - ✚ Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi sử dụng phần mềm để đặt xe, hủy chuyến, tính cước chuyến đi yêu cầu trên xe phải có thiết bị kết nối trực tiếp với hành khách để đặt xe, hủy chuyến. Tiền cước chuyến đi chỉ được tính theo quãng đường được xác định trên bản đồ số. Kết thúc chuyến đi, doanh nghiệp sử dụng phần mềm tính tiền phải gửi hóa đơn điện tử của chuyến đi cho khách, đồng thời gửi về cơ quan Thuế.
 - ✚ Về điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định, Nghị định quy định, trước ngày 01/7/2022, trước khi xe xuất bến, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô tuyến cố định thực hiện việc cung cấp nội dung gồm tên lái xe, biển kiểm soát xe, tuyến hoạt động, giờ xuất bến, số lượng hành khách... trên Lệnh vận chuyển qua phần mềm của Bộ Giao thông Vận tải.
 - ✚ Trường hợp tăng cường phương tiện để giải tỏa hành khách trên tuyến cố định trong các dịp lễ, tết và các kỳ thi THPT quốc gia, tuyển sinh ĐH-CĐ, doanh nghiệp khai thác tuyến cố định căn cứ vào nhu cầu đi lại, thống nhất với bến xe khách xây dựng phương

án tăng cường trên tuyến và báo cáo Sở Giao thông Vận tải hai đầu tuyến để tổng hợp và ban hành kế hoạch thực hiện chung.

- ✚ Lái xe taxi sử dụng đồng hồ tính tiền phải in hóa đơn hoặc phiếu thu tiền cho hành khách khi kết thúc hành trình, đồng hồ tính tiền và thiết bị in phải được gắn cố định tại vị trí khách hàng dễ quan sát.
- ✚ Đối với phiếu thu tiền phải có các thông tin tối thiểu như Tên đơn vị kinh doanh vận tải, biển kiểm soát xe, cự ly chuyển đi (km) và tổng số tiền hành khách phải trả.
- ✚ Một số quy định khác mới được bổ sung về kinh doanh vận tải bằng taxi như:
 - Nếu đã gắn hộp đèn với chữ "TAXI" cố định trên nóc xe (kích thước 12 x 30m) thì không phải niêm yết (dán cố định) cụm từ "Xe TAXI" trên kính phía trước và kính phía sau xe.
 - Xe taxi sử dụng phần mềm để đặt xe, hủy chuyến, tính cước chuyển đi phải có thiết bị kết nối trực tiếp với hành khách; tiền cước chuyển đi được tính theo quãng đường xác định trên bản đồ số...
- ✚ Chi tiết văn bản tại link dưới:

<https://luatvietnam.vn/thuong-mai/nghi-dinh-10-2020-nd-cp-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-180085-d1.html>

2. Thông tư 02/2020/TT-BNNPTNT quy định về tiêu chí kinh tế trang trại do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành (Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 14/04/2020).

Nội dung chính cần lưu ý:

- ✚ Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định tiêu chí, chế độ báo cáo về kinh tế trang trại.
- ✚ Đối tượng áp dụng: (a) Cá nhân, chủ hộ gia đình có hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, diêm nghiệp) đáp ứng các tiêu chí kinh tế trang trại theo quy định của Thông tư này; (b) Cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.
- ✚ Trang trại chuyên ngành được xác định theo lĩnh vực sản xuất như trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, diêm nghiệp và tỷ trọng giá trị sản xuất của lĩnh vực chiếm trên 50% cơ cấu giá trị sản xuất của trang trại trong năm.
- ✚ Trang trại chuyên ngành được phân loại như sau: Trang trại trồng trọt; trang trại chăn nuôi; trang trại lâm nghiệp; trang trại nuôi trồng thủy sản; trang trại sản xuất muối.
- ✚ Trang trại tổng hợp là trang trại trong đó không có lĩnh vực sản xuất nào có tỷ trọng giá trị sản xuất chiếm trên 50% cơ cấu giá trị sản xuất của trang trại trong năm.
- ✚ Theo Thông tư 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định tiêu chí kinh tế trang trại, thì tiêu chí kinh tế đối với trang trại chuyên ngành được quy định như sau:
- ✚ Trang trại trồng trọt có giá trị sản xuất bình quân phải đạt từ 1,0 tỷ đồng/năm trở lên và tổng diện tích đất sản xuất từ 1,0 ha trở lên.

- ✚ Trang trại chăn nuôi có giá trị sản xuất bình quân phải đạt từ 2,0 tỷ đồng/năm trở lên và đạt quy mô chăn nuôi trang trại theo quy định tại Điều 52 Luật Chăn nuôi và văn bản hướng dẫn.
- ✚ Trang trại nuôi trồng thủy sản có giá trị sản xuất bình quân phải đạt từ 2,0 tỷ đồng/năm trở lên và tổng diện tích đất sản xuất từ 1,0 ha trở lên.
- ✚ Trang trại lâm nghiệp có giá trị sản xuất bình quân đạt từ 1,0 tỷ đồng/năm trở lên và tổng diện tích đất sản xuất từ 10,0 ha trở lên.
- ✚ Trang trại sản xuất muối có giá trị sản xuất bình quân đạt 0,35 tỷ đồng/năm trở lên và tổng diện tích đất sản xuất từ 1,0 ha trở lên.
- ✚ Đối với trang trại tổng hợp, giá trị sản xuất bình quân phải đạt từ 2,0 tỷ đồng/năm trở lên và tổng diện tích đất sản xuất từ 1,0 ha trở lên.
- ✚ Chi tiết văn bản tại link dưới:

<https://luatvietnam.vn/nong-nghiep/thong-tu-02-2020-tt-bnnptnt-quy-dinh-tieu-chi-kinh-te-trang-trai-181526-d1.html>

THƯ NGỎ

Kính gửi: Quý doanh nghiệp

Cùng với sự phát triển không ngừng của nền kinh tế toàn cầu, hàng loạt doanh nghiệp mới được thành lập với nhiều mô hình kinh doanh khác nhau, điều kiện giao thương giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước được đẩy lên một tầm cao mới, tạo ra những cơ hội cũng như những thách thức không nhỏ cho các doanh nghiệp.

Có một thực tế là hiện nay phần lớn các doanh nghiệp phải tập trung toàn bộ trí và lực để tìm kiếm lợi nhuận, quan tâm nhiều đến các yếu tố thương mại nên chưa giành đủ nguồn lực cho việc hoàn thiện khung pháp lý trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình. Từ đó dẫn đến các rủi ro, tranh chấp phát sinh, kéo theo những vụ kiện tụng kéo dài làm tổn hại rất nhiều đến lợi ích kinh tế cũng như uy tín của doanh nghiệp.

Với hơn 15 năm kế thừa và phát triển trong lĩnh vực tư vấn pháp luật và tham gia tố tụng, BDS LAW luôn mong muốn trở thành người bạn đồng hành cùng các doanh nghiệp trong và ngoài nước, tạo ra hành lang pháp lý vững chắc cho các doanh nghiệp, hạn chế đến mức thấp nhất các rủi ro, xử lý một cách chuyên nghiệp các vấn đề phát sinh trong hoạt động, góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp vững tâm và tập trung vào những mục tiêu chính trên con đường phát triển của mình.

Lĩnh vực tư vấn pháp luật thường xuyên của BDS LAW cho các doanh nghiệp gồm:

1. Tư vấn soạn thảo hợp đồng mua bán, hợp đồng dịch vụ, thương mại, hợp đồng EPC, EPCC, BCC, BC...; Thẩm định tính pháp lý; Tham gia đàm phán, ký kết hợp đồng.
2. Tư vấn lựa chọn mô hình tổ chức doanh nghiệp; thủ tục thành lập mới/thay đổi đăng ký hoạt động doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện; Tư vấn pháp luật về thuế.
3. Tư vấn về hoạt động chia, tách, sáp nhập doanh nghiệp; nhượng quyền thương mại.
4. Tư vấn về đầu tư; hợp tác đầu tư; chuyển nhượng dự án bất động sản.
5. Tư vấn soạn thảo điều lệ, nội quy, quy chế < trong tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp.
6. Tư vấn pháp luật về đấu thầu, đấu khí, xây dựng, lao động...

Việc tư vấn được thực hiện thường xuyên, liên tục thông qua các hình thức:

1. Thư điện tử; điện thoại;
2. Bảng văn bản gửi qua đường bưu điện/Fax;
3. Trao đổi, đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp.

Với mức phí dịch vụ chỉ từ 500.000đồng/giờ khi lựa chọn dịch vụ tư vấn pháp luật thường xuyên của BDS LAW thay vì phải tổ chức, vận hành bộ phận pháp chế doanh nghiệp với chi phí tốn kém. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của của doanh nghiệp sẽ được đảm bảo an toàn bởi khung pháp lý chặt chẽ thông qua hoạt động tư vấn, hỗ trợ của BDS LAW.

Ngoài dịch vụ tư vấn pháp luật thường xuyên, BDS LAW còn cung cấp dịch vụ pháp lý như: Đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp trong các quan hệ dân sự, kinh tế, hành chính và tranh tụng tại Tòa án với chi phí hợp lý theo thỏa thuận giữa các bên.

Với mục tiêu mang đến cho khách hàng dịch vụ tận tâm, chuyên nghiệp với sứ mệnh bảo vệ công lý cùng đội ngũ luật sư, chuyên viên tư vấn giàu kinh nghiệm, chuyên sâu trong các lĩnh vực tư vấn và tranh tụng, BDS LAW tự tin mang đến sự an tâm và hài lòng cho Quý doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ của chúng tôi.

Trân trọng!

Chủ tịch công ty
Luật sư LÊ NGỌC MINH